TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phương Anh

2. Bà Kim Thị Sà Mết

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh ngày 15/9/1994. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Thảo L, sinh ngày 19/4/1998. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh Nguyễn Thanh P và chị Phạm Thị Thảo L xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P trình anhy:

- Về hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2022. Đến năm đầu năm 2023 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/01/2023. Thời gian đầu, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến tháng 6 năm 2023 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị L thường xuyên cãi nhau, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên anh và chị L đã ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Nay anh nhận

thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị L.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh xác định không có còn chung, nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị L trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2023: Chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh P. Chị thống nhất với lời trình bày của anh P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì trong vụ án này.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P đối với chị L, cho anh P và chị L ly hôn; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh P và chị L xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập anh Nguyễn Thanh P và chị Phạm Thị Thảo L hợp lệ lần nhất nhưng vắng mặt. Anh P và chị L có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P và chị L.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh P khởi kiện ly hôn với bị đơn chị Phạm Thị Thảo L, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị L hiện đang cư trú tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Anh P và chị L tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2022; đến đầu năm 2023 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/01/2023 nên hôn nhân của anh P và chị L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh P xác định, anh P và chị L thường xuyên cãi nhau và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên anh P và chị L đã ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2023, chị L xác định, chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh P. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Anh P và chị L xác định,

vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế không thể hàn gắn, đời sống chung giữa anh P và chị L đã không thể tiếp tục duy trì và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P, xử cho anh P được ly hôn với chị L.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh P và chị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

[6] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thanh P. Cho anh Nguyễn Thanh P được ly hôn với chị Phạm Thị Thảo L.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thanh P và chị Phạm Thị Thảo L xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh P phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình. Anh P đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003673 ngày 11/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi nên chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Khanh